Số: 4230867

	TOWNER V2.7-5S AT	TOWNER V2.6-5S
Giá niêm yết:	**429.000.000đ**	**349.000.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	4.800 x 1.690 x 2.000 mm	4.500x1.690x2.000 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	1.910 x 1.505 x 1.340 mm (3.85 m^3)	1.600x1.505x1.240 (2.99 m^3)
Chiều dài cơ sở	3.135 mm	2.930 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.442/1.455 mm	1.442/1.456 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.400 kg	1360 kg
Khối lượng chở cho phép	945 kg	750 kg
Khối lượng toàn bộ	2.670 kg	2435 kg
Số chỗ ngồi	5 chỗ	5 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	DAM16KAR (Công nghệ Nhật Bản)	DAM16KR
Loại động cơ	Hệ thống phun xăng điện tử EFI (Electronic Fuel Injection) giúp động cơ vân hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu	Hệ thống phun xăng điện tử EFI (Electronic Fuel Injection) giúp động cơ vân hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu
Dung tích xi lanh	1.597 cc	1.597 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	122/6.000 Ps/(vòng/phút)	122/6.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút)	158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Biến mô thủy lực, dẫn động tự động	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí
Hộp số	DONGAN A8R30 Số tự động , 8 số tiến, 1 số lùi	DONGAN, DAM16KR Số sàn, 5 số tiến, 1 số lùi
Tỷ số truyền	5,00 – 3,200 – 2,143 – 1,72 – 1,314 – 1,00 – 0,822 – 0,64 – R: 3,456	ih1 = 4,04; ih2 = 2,165; ih3 = 1,395; ih4 = 1; ih5 = 0,779; iR: 3,745
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD	Dẫn động thủy lực, ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Macpherson
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	185R14	195/70R15C
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	47,3%	>= 20%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6.5 m	6.2 m
Tốc độ tối đa	117 km/h	118 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	43 lít	43 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng – bánh răng, Trợ lực điện	Thanh răng – bánh răng Trợ lực điện